

Số: 34 /2024/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;



Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 151/TTr-SYT ngày 16 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- BCĐLNTU về ATTP;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Y tế, NN&PTNT, CT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hải Phòng;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT&TH Hải Phòng;
- CPVP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT, YT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2024/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giữa các Sở, ngành (sau đây gọi tắt là các cơ quan) và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Quy định nhiệm vụ cụ thể đối với công chức kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi công tác an toàn thực phẩm cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, công chức kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi an toàn thực phẩm cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Điều 3. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Theo Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và theo phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giữa Trung ương và địa phương.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các ngành và các cấp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp làm nhiệm vụ Trưởng ban Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố.

2. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

3. Thành lập, tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố.

4. Bố trí nguồn lực cho các cơ quan chuyên môn để thực hiện việc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

5. Ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Y tế

1. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân cấp quy định tại Điều 62 của Luật an toàn thực phẩm và Điều 37 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan dự thảo và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chỉ tiêu và mức giới hạn an toàn đối với sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Là đầu mối tổng hợp, báo cáo tình hình an toàn thực phẩm cho Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm.

4. Định kỳ hằng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

5. Tổ chức tiếp nhận, quản lý hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

6. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố do Sở Y tế quản lý theo phân cấp (sản phẩm tại Phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) và các sản phẩm của các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

7. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bao gồm:

a) Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm khác không thuộc lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương;

b) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (bao gồm cả bếp ăn tập thể thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại các siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy đăng ký hộ kinh doanh có quy mô từ 200 suất ăn/lần phục vụ trở lên (trừ nhà hàng trong khách sạn được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP;

c) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ hai Sở trở lên, trong đó sản lượng sản phẩm lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

8. Phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý an toàn thực phẩm và thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe, cơ sở kinh doanh, tư vấn sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe; kinh doanh dịch vụ ăn uống không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bao gồm: Nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể tại các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cấp tỉnh cấp; bếp ăn tập thể, căng tin các trường đại học, bệnh viện tuyến tỉnh; bếp ăn tập thể tại các trường mầm non, tiểu học có quy mô từ 700 suất ăn/lần phục vụ trở lên; bếp ăn tập thể, căng tin các trường phổ thông trung học, trường cao đẳng, đào tạo nghề có quy mô phục vụ từ 100 suất ăn/lần phục vụ trở lên; nhà hàng ăn uống, nhà ăn, nhà nghỉ dưỡng, nhà khách, viện điều dưỡng, trung tâm hội nghị của Bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố; các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực lễ hội, hội chợ có ẩm thực do cấp thành phố quản lý.

10. Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm

thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác: Khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm thành phố, Bộ Y tế; khi phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm lưu thông trên địa bàn có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng; khi có sự khác biệt trong kết luận thanh tra của các Sở chuyên ngành; theo đề nghị của Sở chuyên ngành.

11. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố (trừ nội dung quy định tại khoản 8 Điều 6 và khoản 6 Điều 7 Quy định này).

12. Là đầu mối triển khai thực hiện giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố; tổ chức việc phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm, thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

13. Tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm; cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm.

14. Tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 1) đối với nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm tại các đơn vị có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trường học quy mô từ 700 suất ăn/lần phục vụ trở lên.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân cấp quy định tại Điều 63 của Luật an toàn thực phẩm và Điều 38 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Dự thảo và trình Ủy ban nhân dân phê duyệt chương trình kế hoạch, đề án, dự án về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối với lĩnh vực nông lâm thủy sản và muối trên địa bàn thành phố.

3. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (theo Danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

b) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai Sở trở lên, trong đó sản lượng sản phẩm lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản và muối bao gói sẵn, tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; cơ sở nuôi trồng thủy sản; cảng cá;

d) Hợp tác xã thực hiện sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và muối;

đ) Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có hoạt động chế biến, bảo quản.

4. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở là tổ chức kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTN.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cảng cá; chợ đầu mối, đấu giá nông sản; cơ sở là tổ chức kinh doanh mặt hàng bao gói sẵn sản phẩm nông, lâm, thủy sản (chuyên doanh) không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện trên địa bàn thành phố.

6. Phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

8. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

9. Tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

10. Phối hợp với Sở Y tế trong việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm, điều tra ngộ độc thực phẩm.

11. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo phân cấp (sản phẩm tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) và các sản phẩm của các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Công Thương

1. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo phân cấp quy định tại Điều 64 của Luật an toàn thực phẩm và Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bao gồm cả kinh doanh thực phẩm, bao gồm cả kinh doanh thực phẩm tổng hợp (theo danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp theo phân cấp tại Thông tư số 43/2018/TT-BCT.

b) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ hai Sở trở lên, trong đó sản lượng sản phẩm lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương.

3. Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm và tiếp nhận bản cam kết về bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 2) từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp, thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

4. Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ hạng 1 trên địa bàn thành phố (trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản).

6. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

7. Tổ chức thực hiện chương trình giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

8. Phối hợp với Sở Y tế trong việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình thông tin giáo dục truyền thông về an toàn thực phẩm, điều tra ngộ độc thực phẩm.

9. Tổ chức tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố do Sở Công Thương quản lý theo phân cấp tại Phụ

lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các sản phẩm của các cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 36 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Ủy ban nhân dân quận, huyện (sau đây gọi là cấp huyện) tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp huyện; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo các nội dung được phân công, phân cấp tại quy định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp huyện.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tại Điều 65 của Luật an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.

3. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ (trừ cơ sở ở trong siêu thị, trung tâm thương mại); cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chế biến không bao gói sẵn thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (trừ các cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy định này).

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với:

a) Quản lý an toàn thực phẩm các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bao gồm: Bếp ăn tập thể, căng tin tại các trường mầm non, tiểu học có quy mô dưới 700 suất ăn/lần phục vụ, bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện; bếp ăn tập thể tại các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; bếp ăn tập thể, căng tin tại các trường cao đẳng, đào tạo nghề, trường phổ thông trung học có quy mô phục vụ dưới 100 suất ăn/lần phục vụ; nhà hàng ăn uống, nhà ăn, căng tin của nhà khách, nhà nghỉ dưỡng thuộc Ủy ban nhân dân huyện; các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực lễ hội, hội chợ có ẩm thực do cấp huyện quản lý; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống di động, nấu cỗ di động (cỗ cưới, hỏi, đám hiếu...);

b) Quản lý an toàn thực phẩm và tổ chức tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 2) đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực

phẩm nhỏ lẻ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

c) Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định (trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên); cơ sở sơ chế, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (trừ cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 6 Quy định này) thuộc lĩnh vực Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

6. Phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 8, khoản 13 Điều này.

7. Tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 8, khoản 13 Điều này.

8. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ hạng 2, hạng 3 trên địa bàn (trừ chợ đầu mối, đấu giá nông sản); các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung (theo quy định tại khoản 1 Điều 69 và khoản 2 Điều 76 Luật Thú y năm 2015); các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh trên địa bàn (trừ cơ sở quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 6 quy định này).

9. Thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm theo phân cấp trên địa bàn.

10. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm trên địa bàn; báo cáo nhanh và báo cáo tình hình ngộ độc thực phẩm trên địa bàn về Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) theo quy định.

11. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

12. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng vùng sản xuất tập trung trên địa bàn quản lý.

13. Tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 1) đối với bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm tại các đơn vị có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và trường học quy mô dưới 700 suất ăn/lần phục vụ.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp xã; thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo các nội dung được phân công, phân cấp tại quy định này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân thành phố về việc bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tại Điều 65 của Luật an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.

3. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn đối với cơ sở sơ chế, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài dưới 15 mét, cơ sở kinh doanh thực phẩm chế biến bao gói sẵn không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn và quản lý, kiểm tra an toàn thực phẩm theo Điều 5 Điều 6 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

4. Quản lý an toàn thực phẩm và kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; các bếp ăn nhóm trẻ gia đình, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong khu vực lễ hội, hội chợ có ẩm thực do cấp xã quản lý; cơ sở sản xuất sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn.

5. Quản lý an toàn thực phẩm và tổ chức tiếp nhận bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 2) đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

6. Phổ biến, cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

7. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

8. Phối hợp với Phòng Y tế, Trung tâm y tế huyện tổ chức thực hiện phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm trên địa bàn.

9. Quản lý hoạt động của cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 69 và khoản 3 Điều 76 Luật Thú y năm 2015.

10. Tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (theo mẫu số 1) đối với cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố

Điều 10. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm

1. Việc thanh tra, kiểm tra liên ngành do các cơ quan, đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân hoặc Ban Chỉ đạo liên ngành cùng cấp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt. Các cơ quan liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm không chồng chéo giữa các ngành, các cấp và thống nhất từ thành phố đến cấp huyện, cấp xã. Trong trường hợp trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm sẽ thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thống kê, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý.

Điều 11. Phối hợp trong thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm

1. Các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan y tế trong việc thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm.

2. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm ưu tiên về thời điểm, thời lượng phát sóng để thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; dung lượng và vị trí đăng trên báo in, báo hình, báo điện tử theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng không thu phí, trừ trường hợp thực hiện theo hợp đồng riêng với chương trình, dự án hoặc do tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ.

Điều 12. Phối hợp trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm

1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước để bảo đảm thống nhất quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố.

2. Khi xảy ra ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức điều tra ngộ độc thực phẩm; cấp cứu, điều trị kịp thời cho người bị ngộ độc thực phẩm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương có trách

nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin liên quan đến nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; phối hợp với Sở Y tế điều tra nguyên nhân và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

3. Khi phát hiện sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của các ngành khác vi phạm và có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng; Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và kết luận.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

Các giấy chứng nhận, xác nhận, cam kết về an toàn thực phẩm được cấp trước đây vẫn còn giá trị cho đến khi hết thời hạn theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC KIỂM NGHIỆM THEO DÕI CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM CẤP XÃ

Điều 14. Nhiệm vụ đối với công chức kiểm nghiệm theo dõi công tác an toàn thực phẩm cấp xã

Công chức được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm theo dõi công tác an toàn thực phẩm cấp xã là đầu mối về công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn cấp xã có nhiệm vụ:

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, quyết định, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm; tham mưu tổ chức thực hiện các văn bản, chương trình, kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm đã được phê duyệt.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm, ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Đoàn kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia đoàn kiểm tra an toàn thực phẩm cấp xã và đoàn kiểm tra cấp trên khi có yêu cầu; tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế và các cơ quan có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức và các văn bản pháp luật về an toàn

thực phẩm; triển khai công tác phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện giám sát việc bảo đảm an toàn thực phẩm; triển khai thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm trên địa bàn.

7. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tới các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thực hiện các thủ tục hành chính, quy định về an toàn thực phẩm theo phân cấp quản lý.

8. Thống kê, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Đối với quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng

a) Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm hằng năm của các cơ quan quản lý nhà nước được bố trí từ ngân sách nhà nước các cấp theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác.

2. Đối với quy định nhiệm vụ đối với công chức kiêm nhiệm theo dõi công tác an toàn thực phẩm cấp xã

a) Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kiến thức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho công chức cấp xã được phân công kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi công tác an toàn thực phẩm;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phân công công chức xã, phường, thị trấn thực hiện kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi công tác an toàn thực phẩm. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỐI VỚI CƠ SỞ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Ngày thángnăm, tại:.....
 Tên tổ chức/cá nhân:.....
 Mã số doanh nghiệp/căn cước:.....
 Địa chỉ/địa điểm kinh doanh:
 Điện thoại:.....
 Người đại diện:
 Loại hình sản xuất, chế biến/kinh doanh:.....

CAM KẾT

Thực hiện đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong chế biến, cung cấp dịch vụ ăn uống và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật với những nội dung sau:

(1) Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định về điều kiện cơ sở vật chất; trang thiết bị; nguyên liệu thực phẩm, gia vị, phụ gia thực phẩm; nguồn nước sạch để chế biến thức ăn, nước đá sạch.

(2) Chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, cung cấp dịch vụ ăn uống tuân thủ đầy đủ quy định về tập huấn kiến thức, khám sức khoẻ định kỳ và thực hành vệ sinh trong chế biến thực phẩm.

(3) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn và các quy định khác về bảo đảm an toàn thực phẩm của pháp luật./.

UBND.....
(CƠ QUAN QUẢN LÝ)
(ký & ghi họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(ký & ghi họ tên)



Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM

Ngày tháng năm, tại:.....
Tên tổ chức/cá nhân:.....
Mã số doanh nghiệp/căn cước:.....
Địa chỉ/địa điểm kinh doanh:
Điện thoại:.....
Người đại diện:
Loại hình sản xuất, chế biến/kinh doanh:.....

CAM KẾT

Thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm lĩnh vực Công Thương và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu dùng, các cơ quan quản lý nhà nước về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(ký & ghi họ tên)

